Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 26/10/2026 10:53:55



# PHỤ LỤC SỐ 01

## TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CHI THƯỜNG XUYÊN CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2026

*(Kèm theo Báo cáo số 573/BC-UBND ngày 26/10/2026 của UBND phường Hồng Châu)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Ngày | Số | Nội dung | Số tiền | Điều chỉnh tăng giảm |
|---|---|---|---|---|
| | | **Văn phòng HĐND và UBND** | **-36.964.760.206** | **-36.964.760.206** |
| 10/2/2026 | 73 | Điều chỉnh một số nhiệm vụ chi đã giao cho VP HĐND và UBND sang cho Ban chỉ huy quân sự phường Hồng Châu (KP hoạt động quốc phòng, chế độ phụ cấp DQTV) | -300.000.000 | -300.000.000 |
| 12/9/2026 | 325 | Điều chỉnh nhiệm vụ chi giao VP HĐND và UBND sang Ban chỉ huy quân sự phường Hồng Châu (Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, kinh phí hoạt động quốc phòng, kinh phí nâng lương thường xuyên) sang chi nhiệm vụ quốc phòng địa phương 2026 | -385.551.679 | -385.551.679 |
| 02/7/2026 | 232 | Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 giao về Phòng Văn hóa -Xã hội và phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị | -36.279.208.527 | -36.279.208.527 |
| | | **Phòng Kinh tế, Hạ tầng và ĐT** | **12.430.195.691** | **12.430.195.691** |
| 30/01/2026 | 39 | Điều chỉnh 1 số nhiệm vụ chi đã giao cho phòng KTHTĐT sang Trung tâm dịch vụ tổng hợp | -845.000.000 | -845.000.000 |
| 10/2/2026 | 68 | Điều chỉnh 1 số nhiệm vụ chi đã giao cho phòng KTHTĐT sang Trung tâm dịch vụ tổng hợp | -494.000.000 | -494.000.000 |
| 02/7/2026 | 232 | Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 từ Văn phòng HĐND và UBND phường sang phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị | 15.769.195.691 | 15.769.195.691 |
| | | Điều chỉnh giảm nhiệm vụ hỗ trợ chi phí đấu giá đất thông tư 3/2025 từ phòng KTHTĐT sang Ban QLDA | -2.000.000.000 | -2.000.000.000 |

| Ngày | Số | Nội dung | Số tiền | Điều chỉnh tăng giảm |
|---|---|---|---|---|
| 21/7/2026 | 255 | Điều chỉnh nội dung chi tại Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 và Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND phường Hồng Châu từ "Chi giải quyết đơn thư khiếu nại", số tiền: 50.000.000 đồng sang thành "Tuyên truyền TTHC về cấp phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị", số tiền: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng chẵn).* | 50.000.000 | |
| 21/7/2026 | 255 | Điều chỉnh nội dung chi tại Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 và Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND phường Hồng Châu từ "Số hóa tài liệu, bản đồ địa chính", số tiền: 50.000.000 đồng sang thành "Tuyên truyền, hướng dẫn người dân nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2026", số tiền: 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng chẵn).* | 50.000.000 | |
| | | **Phòng Văn hóa và xã hội** | **20.510.012.836** | **20.510.012.836** |
| 02/7/2026 | 232 | Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 từ Văn phòng HĐND và UBND phường sang phòng Văn hóa - Xã hội phường | 20.510.012.836 | 20.510.012.836 |
| | | **Trung tâm dịch vụ tổng hợp** | **1.339.000.000** | **1.339.000.000** |
| 30/01/2026 | 39 | Điều chỉnh 1 số nhiệm vụ chi đã giao cho phòng KTHTĐT sang Trung tâm dịch vụ tổng hợp | 845.000.000 | 845.000.000 |
| 10/2/2026 | 68 | Điều chỉnh 1 số nhiệm vụ chi đã giao cho phòng KTHTĐT sang Trung tâm dịch vụ tổng hợp | 494.000.000 | 494.000.000 |
| | | **Quân sự** | **685.551.679** | **685.551.679** |
| 10/2/2026 | 73 | Điều chỉnh một số nhiệm vụ chi đã giao cho VP HĐND và UBND sang cho Ban chỉ huy quân sự phường Hồng Châu (KP hoạt động quốc phòng, chế độ phụ cấp DQTV) | 300.000.000 | 300.000.000 |
| 12/9/2026 | 325 | Điều chỉnh nhiệm vụ chi giao VP HĐND và UBND (Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, kinh phí hoạt động quốc phòng, kinh phí nâng lương thường xuyên) sang Ban chỉ huy quân sự phường Hồng Châu chi nhiệm vụ quốc phòng địa phương 2026 | 385.551.679 | 385.551.679 |

| Ngày | Số | Nội dung | Số tiền | Điều chỉnh tăng giảm |
|---|---|---|---|---|
| | | **Ban QLDA đầu tư xây dựng** | **2.000.000.000** | **2.000.000.000** |
| | | Điều chỉnh giảm nhiệm vụ hỗ trợ chi phí đấu giá đất thông tư 3/2025 từ phòng KTHTĐT sang Ban QLDA | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| | | **Ủy ban MTTQ Việt Nam phường** | **20.000.000** | |
| 09/6/2026 | 208 | Điều chỉnh nội dung chi ngân sách nhà nước năm 2026<br>*(tại mục 10.4 – MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội; tại Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND phường Hồng Châu)* từ "Trồng hàng cây quân dân" sang thành " Chăm sóc hàng cây quân dân", số tiền: 20.000.000 đồng. | 20.000.000 | |
| | | **Cộng** | **0** | **0** |

Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 26/10/2026 10:53:55



**PHỤ LỤC SỐ 02**

**TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH BỔ SUNG CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2026**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2026 của UBND phường Hồng Châu)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Ngày | Số | Nội dung | Nguồn kinh phí | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sự nghiệp | Giáo dục | Kinh tế | Chi khác | Tăng cường CSVC (QLNN) | Nâng lương thường xuyên, biên chế thiếu | Dự phòng | Kết dư |
| | | **Văn phòng Đảng ủy** | **128.389.000** | **0** | **73.365.000** | **55.224.000** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 21/7/2026 | 253 | Bổ sung kinh phí thực hiện công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 | 39.875.000 | | 39.875.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 253 | Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sắp xếp,kiện toàn chi bộ Tổ dân phố trên địa bàn phường Hồng Châu năm 2026 | 33.490.000 | | 33.490.000 | | | | | |
| 12/9/2026 | 323 | Bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả phụ cấp Ban Công tác 35 Đảng ủy phường Hồng Châu (từ thời điểm tháng 8/2025 đến tháng 12/2025). | 55.224.000 | | | 55.224.000 | | | | |
| | | **Văn phòng HĐND và UBND** | **1.625.459.000** | **0** | **325.459.000** | **0** | **1.300.000.000** | **0** | **0** | **0** |
| 13/3/2026 | 88 | Bổ sung chi tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động HĐND phường nhiệm kỳ 2021-2026 (HĐND) | 112.750.000 | | 112.750.000 | | | | | |
| 10/6/2026 | 209 | Bổ sung kinh phí vận chuyển do di chuyển,sắp xếp trụ sở làm việc của UBMTTQ, phòng VHXH, Ban VHXH, Ban KTXH, Ban QLDA phường | 70.000.000 | | 70.000.000 | | | | | |
| 10/6/2026 | 209 | Bổ sung kinh phí lắp đặt hệ thống mạng Trụ sở tiếp dân, Trung tâm dịch vụ tổng hợp (trụ sở xã Hoàng Hanh cũ) | 45.184.000 | | 45.184.000 | | | | | |
| 10/6/2026 | 209 | Bổ sung kinh phí lắp đặt khung sắt, chữ nổi, hoa trang trí…. Nhà văn hóa trung tâm phường | 47.135.000 | | 47.135.000 | | | | | |
| 10/6/2026 | 209 | Bổ sung kinh phí lắp đặt hệ thống khóa cửa thông minh (phòng lãnh đạo) | 30.390.000 | | 30.390.000 | | | | | |
| 10/6/2026 | 209 | Bổ sung kinh phí lắp đặt hệ thống điện 3 pha nhà văn hóa trung tâm phường | 20.000.000 | | 20.000.000 | | | | | |
| 19/10/2026 | 377 | Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Hồng Châu và một số hạng mục phụ trợ | 1.300.000.000 | | | | 1.300.000.000 | | | |
| | | **Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị** | **595.369.160** | **0** | **326.435.000** | **0** | **0** | **0** | **226.599.000** | **42.335.160** |
| 09/4/2026 | 127 | Bổ sung kinh phí thực hiện công trình Cải tạo đường Xoan đoạn từ ruộng nhà ông Tuệ đến ruộng nhà ông Nam thôn An Châu 1, phường Hồng Châu (khắc phục tình trạng ngập úng khi mưa lũ xảy ra khu vực ngoài bối xã Hoàng Hanh cũ) | 226.599.000 | | | | | | 226.599.000 | |
| 06/5/2026 | 153 | Trích nguồn kết dư ngân sách địa phương để thực hiện chi trả nợ nhiệm vụ đã thực hiện năm 2025 mua sản phẩm nông sản phục vụ Hội nghị kết nối cung cầu tiêu thụ các sản phẩm nông sản tiêu biểu phường Hồng Châu | 42.335.160 | | | | | | | 42.335.160 |
| 21/7/2026 | 256 | Bổ sung kinh phí mua phần mềm kế toán Misamimosa và chữ ký số các phần mềm dịch vụ công kho bạc | 26.435.000 | | 26.435.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 256 | Bổ sung kinh phí tổ chức Hội nghị công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 xây dựng tái hiện thương cảng Phố Hiến xưa | 300.000.000 | | 300.000.000 | | | | | |
| | | **Phòng Văn hóa - Xã hội** | **5.716.035.000** | **5.450.000.000** | **266.035.000** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 09/6/2026 | 207 | Bổ sung kinh phí để chi quản lý nhà nước các công trình nghĩa trang liệt sĩ phường Hồng Châu năm 2026 | 139.600.000 | | 139.600.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 251 | Bổ sung kinh phí mua phần mềm kế toán Misamimosa và chữ ký số các phần mềm dịch vụ công kho bạc | 26.435.000 | | 26.435.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 251 | Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Hồng Châu năm 2026 | 100.000.000 | | 100.000.000 | | | | | |
| | | Mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường Hồng Châu | 5.450.000.000 | 5.450.000.000 | | | | | | |
| | | **Trung tâm phục vụ hành chính công** | **49.635.000** | **0** | **0** | **49.635.000** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 12/9/2026 | 324 | Bổ sung kinh phí thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính tại các tổ dân phố trên địa bàn phường Hồng Châu | 49.635.000 | | | 49.635.000 | | | | |
| | | **UB MTTQ VN phường** | **225.480.000** | **0** | **179.380.000** | **46.100.000** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 13/3/2026 | 90 | Bổ sung để chi tổ chức Đại hội đại biểu Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam phường Hồng Châu lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2029 | 45.330.000 | | 45.330.000 | | | | | |
| 06/6/2026 | 206 | Bổ sung kinh phí để chi tổ chức Liên hoan tiếng hát khu dân cư cấp phường năm 2026 | 84.050.000 | | 84.050.000 | | | | | |
| 26/6/2026 | 219 | Bổ sung kinh phí để tổ chức Đại hội Hội truyền thống Trường Sơn phường nhiệm kỳ 2026-2031 | 16.100.000 | | | 16.100.000 | | | | |
| 21/7/2026 | 259 | Bổ sung kinh phí tổ chức Liên hoan "Giai điệu tuổi hồng và thiếu nhi kể chuyện" phường Hồng Châu năm 2026 | 30.000.000 | | 30.000.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 259 | Bổ sung kinh phí tham gia Liên hoan "Giai điệu tuổi hồng và thiếu nhi kể chuyện" hè năm 2026, cụm số 2, tỉnh Hưng Yên | 10.000.000 | | 10.000.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 259 | Bổ sung kinh phí tham gia Liên hoan "Giai điệu tuổi hồng và thiếu nhi kể chuyện" tỉnh Hưng Yên năm 2026 | 10.000.000 | | 10.000.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 259 | Bổ sung kinh phí tổ chức Lễ ra quân hưởng ứng phong trào thi đua " toàn dân chung tay bảo vệ môi trường vì một Việt Nam xanh - sạch - đẹp" | 30.000.000 | | | 30.000.000 | | | | |
| | | **Trung tâm Dịch vụ tổng hợp** | **933.575.000** | **0** | **933.575.000** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 10/2/2026 | 63 | Bổ sung chi các nhiệm vụ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp 2026-2031 | 431.225.000 | | 431.225.000 | | | | | |
| 09/4/2026 | 128 | Bổ sung kinh phí tổ chức Đại hội TDTT phường Hồng Châu | 270.000.000 | | 270.000.000 | | | | | |
| 09/4/2026 | 128 | Bổ sung kinh phí tham gia Đại hội TDTT tỉnh | 32.550.000 | | 32.550.000 | | | | | |
| 21/7/2026 | 260 | Bổ sung kinh phí để chi tổ chức thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 21/4/2026 của UBND phường Hồng Châu về tháng cao điểm ra quân lập lại trật tự đô thị, trật tự ATGT và công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn phường | 199.800.000 | | 199.800.000 | | | | | |
| | | **Công an phường** | **260.950.000** | **0** | **73.500.000** | **0** | **0** | **0** | **187.450.000** | **0** |
| 13/3/2026 | 89 | Hỗ trợ kinh phí cho Công an phường để trang bị bình phòng cháy chữa cháy các điểm bầu cử | 13.500.000 | | 13.500.000 | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29/4/2026 | 150 | Hỗ trợ kinh phí tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật, huấn luyện nghiệp vụ PCCC, cứu nạn, cứu hộ và lắp đặt hệ thống truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu về PCCC | 78.700.000 | | | | | | 78.700.000 | |
| 28/5/2026 | 195 | Hỗ trợ kinh phí để tổ chức hội thi "Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở giỏi" phường Hồng Châu lần thứ 1 năm 2026 | 71.500.000 | | | | | | 71.500.000 | |
| 21/7/2026 | 254 | Bổ sung chi tổ chức thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 21/4/2026 của UBND phường Hồng Châu về tháng cao điểm ra quân lập lại trật tự đô thị, trật tự ATGT | 60.000.000 | | 60.000.000 | | | | | |
| 12/9/2026 | 328 | Bổ sung kinh phí tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc | 37.250.000 | | | | | | 37.250.000 | |
| | | **Ban CHQS phường** | **594.865.000** | **0** | **369.754.000** | **0** | **0** | **0** | **225.111.000** | **0** |
| 10/2/2026 | 70 | Bổ sung hỗ trợ kinh phí cho Ban Chỉ huy Quân sự phường Hồng Châu thực hiện 1 số nhiệm vụ chi (ngày hội tòng quân, HN tổng kết công tác GD quốc phòng AN 2025, công tác tuyển quân 2026) | 169.754.000 | | 169.754.000 | | | | | |
| 13/3/2026 | 92 | Hỗ trợ kinh phí cho BCH Quân sự thực hiện 1 số nhiệm vụ (mua sắm trang thiết bị đảm bảo hoạt động năm 2026; hỗ trợ lực lượng DQTV tập luyện tham gia lễ ra quân huấn luyện 2026) | 200.000.000 | | 200.000.000 | | | | | |
| 13/3/2026 | 92 | Hỗ trợ kinh phí cho BCH Quân sự thực hiện 1 số nhiệm vụ (mua sắm trang thiết bị đảm bảo hoạt động năm 2026; hỗ trợ lực lượng DQTV tập luyện tham gia lễ ra quân huấn luyện 2026) | 23.976.000 | | | | | | 23.976.000 | |
| 28/5/2026 | 197 | Bổ sung kinh phí để chi thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2027 (các nhiệm vụ thực hiện chi trong năm 2026) | 201.135.000 | | | | | | 201.135.000 | |
| | | **Khối giáo dục** | **180.000.000** | **180.000.000** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 19/10/2026 | 373 | Thực hiện mua các phần mềm phục vụ cho công tác tài chính, kế toán tại đơn vị ( phần mềm kế toán, QLTS, Quản lý khoản thu, Quản lý lương) trường Mầm non Hồng Châu | 60.000.000 | 60.000.000 | | | | | | |
| 19/10/2026 | 372 | Thực hiện mua các phần mềm phục vụ cho công tác tài chính, kế toán tại đơn vị ( phần mềm kế toán, QLTS, Quản lý khoản thu, Quản lý lương) trường Tiểu học Hồng Châu | 60.000.000 | 60.000.000 | | | | | | |
| 19/10/2026 | 371 | Thực hiện mua các phần mềm phục vụ cho công tác tài chính, kế toán tại đơn vị (phần mềm kế toán, QLTS, Quản lý khoản thu, Quản lý lương) trường THCS Hồng Châu | 60.000.000 | 60.000.000 | | | | | | |
| | | **Trạm Y tế phường Hồng Châu** | **162.450.000** | **0** | **0** | **162.450.000** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 19/10/2026 | 370 | Tổ chức hội nghị truyền thông trực tiếp cho người dân về cách phòng bệnh và nâng cao sức khỏe toàn dân | 84.150.000 | | | 84.150.000 | | | | |
| 19/10/2026 | 370 | Tổ chức thực hiện khám lưu động, khám sàng lọc tại các tổ dân phố trên địa bàn phường | 78.300.000 | | | 78.300.000 | | | | |
| | | **Cộng** | **10.472.407.160** | **5.630.000.000** | **2.547.503.000** | **313.409.000** | **1.300.000.000** | **0** | **639.160.000** | **42.335.160** |

Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 26/10/2026 10:53:55



**PHỤ LỤC SỐ 03**

**TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC BỔ SUNG MỤC TIÊU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2026**

*(Kèm Báo cáo số [illegible]/BC-UBND ngày [illegible]/10/2026 của UBND phường Hồng Châu)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Ngày | Số | Nội dung | Số tiền | NS Tỉnh BS | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | NCC - NS TW | CSXH | Bổ sung trong năm |
| | | **Văn phòng Đảng ủy** | **416.860.000** | **0** | **0** | **416.860.000** |
| 21/7/2026 | 253 | Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp báo cáo viên cấp xã | 26.000.000 | | | 26.000.000 |
| 19/10/2026 | 374 | Thực hiện mua sắm trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác tạo lập dữ liệu, số hóa hồ sơ đảng viên. | 62.820.000 | | | 62.820.000 |
| 19/10/2026 | 378 | Thực hiện công tác số hóa, tạo lập dữ liệu hồ sơ đảng viên | 328.040.000 | | | 328.040.000 |
| | | **Văn phòng HĐND và UBND** | **3.424.839.600** | **0** | **0** | **3.424.839.600** |
| 10/02/2026 | 65 | Bổ sung chi tổ chức Hội nghị tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp 2026-2031 | 25.000.000 | | | 25.000.000 |
| 10/2/2026 | 71 | Bổ sung để chi hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT | 988.000.000 | | | 988.000.000 |
| 09/4/2026 | 120 | Bổ sung kinh phí chi chế độ chính sách cho CBCCVC, người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo NĐ số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 | 1.350.039.600 | | | 1.350.039.600 |
| 09/4/2026 | 120 | Bổ sung kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung | 1.050.000.000 | | | 1.050.000.000 |
| 21/7/2026 | 258 | Bổ sung kinh phí để chi thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ theo quy định tại Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ năm 2026 | 11.800.000 | | | 11.800.000 |
| | | **Phòng Kinh tế, Hạ tầng và ĐT** | **1.294.520.000** | **0** | **0** | **1.294.520.000** |
| 10/2/2026 | 74 | Bổ sung thực hiện nhiệm vụ chỉnh trang đô thị đón tết Nguyên đán Bính ngọ năm 2026 | 635.000.000 | | | 635.000.000 |
| 11/2/2026 | 75 | Bổ sung cho Phòng KTHTĐT để chi tặng quà cho hộ nghèo nhân dịp Tết nguyên đán Bính Ngọ 2026 | 9.000.000 | | | 9.000.000 |
| 21/7/2026 | 256 | Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ theo quy định tại Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ năm 2026 | 520.000 | | | 520.000 |
| 12/9/2026 | 327 | Bổ sung kinh phí thực hiện đề án đánh số nhà và gắn biển số nhà, công trình xây dựng trên địa bàn phường | 500.000.000 | | | 500.000.000 |
| 19/10/2026 | 375 | Thực hiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn phường Hồng Châu | 150.000.000 | | | 150.000.000 |
| | | **Phòng Văn hóa - Xã hội** | **25.069.966.200** | **11.084.000.000** | **9.087.625.000** | **4.898.341.200** |
| 30/01/2026 | 38 | Chi trợ cấp ưu đãi theo Pháp lệnh người có công với cách mạng và Pháp lệnh Bà mẹ Việt Nam anh hùng gồm: Chi trợ cấp, phụ cấp thường xuyên và trợ cấp một lần; Chi cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng; điều trị điều dưỡng | 9.974.000.000 | 9.974.000.000 | | |
| 30/01/2026 | 38 | Kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người có công, thân nhân người có công với Cách mạng, người phục vụ người có công với Cách mạng do ngân sách nhà nước đảm bảo | 1.110.000.000 | 1.110.000.000 | | |
| 30/01/2026 | 38 | Thực hiện tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại phường Hồng Châu dịp Tết nguyên đán Bính Ngọ 2026 | 229.600.000 | | | 229.600.000 |
| 10/2/2026 | 62 | Bổ sung chi các nhiệm vụ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp 2026-2031 | 2.284.515.000 | | | 2.284.515.000 |
| 10/2/2026 | 66 | Bổ sung kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng | 5.200.000.000 | | 5.200.000.000 | |
| 10/2/2026 | 66 | Bổ sung kinh phí trợ cấp các đối tượng bảo trợ xã hội | 2.987.625.000 | | 2.987.625.000 | |
| 10/2/2026 | 66 | Bổ sung kinh phí miễn giảm học phí | 900.000.000 | | 900.000.000 | |
| 26/6/2026 | 215 | Bổ sung kinh phí để tổ chức Đại hội Khuyến học nhiệm kỳ 2026-2031 | 65.000.000 | | | 65.000.000 |
| 21/7/2026 | 251 | Bổ sung kinh phí thực hiện chi chế độ phụ cấp chức vụ theo quy định tại Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ năm 2026 | 520.000 | | | 520.000 |
| 10/8/2026 | 283 | Bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CĐS năm 2026 | 979.000.000 | | | 979.000.000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12/9/2026 | 329 | Bổ sung KP để thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ | 384.918.300 | | | 384.918.300 |
| 30/9/2026 | 354 | Bổ sung KP để thực hiện chế độ chính sách cho người hoạt động KCT ở thôn, TDP dôi dư do sắp xếp tổ chức lại thôn, TDP nghỉ theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ | 210.600.000 | | | 210.600.000 |
| 30/9/2026 | 354 | Thực hiện Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo trên đại bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 | 161.187.900 | | | 161.187.900 |
| 19/10/2026 | 369 | Thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (đợt 4) | 583.000.000 | | | 583.000.000 |
| | | **Trung tâm hành chính công** | **4.600.000** | **0** | **0** | **4.600.000** |
| 21/7/2026 | 261 | Bổ sung kinh phí thực hiện chi chế độ phụ cấp chức vụ theo quy định tại Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ năm 2026 | 4.600.000 | | | 4.600.000 |
| | | **UB MTTQ phường** | **401.310.000** | **0** | **0** | **401.310.000** |
| 10/2/2026 | 64 | Bổ sung chi các nhiệm vụ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp 2026-2031 | 144.450.000 | | | 144.450.000 |
| 10/2/2026 | 72 | Bổ sung để chi tổ chức Đại hội Người cao tuổi cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031 | 65.000.000 | | | 65.000.000 |
| 28/5/2026 | 196 | Bổ sung kinh phí để chi tổ chức Liên hoan tiếng hát khu dân cư cấp phường (tỉnh bs mục tiêu ) | 10.000.000 | | | 10.000.000 |
| 26/6/2026 | 216 | Bổ sung kinh phí để tổ chức Đại hội Nạn nhân chất độc da cam dioxin phường nhiệm kỳ 2026-2031 | 14.500.000 | | | 14.500.000 |
| 26/6/2026 | 218 | Bổ sung kinh phí để tổ chức Đại hội Hội Cựu TNXP phường nhiệm kỳ 2026-2031 | 28.800.000 | | | 28.800.000 |
| 21/7/2026 | 259 | Bổ sung kinh phí chi tổ chức Đại hội Chữ thập đỏ nhiệm kỳ 2026-2031 | 65.000.000 | | | 65.000.000 |
| 21/7/2026 | 259 | Bổ sung kinh phí chi thực hiện chế độ tiền lương theo Quyết định số 09-QĐ/TƯ ngày 02/3/2026 của BCH Trung ương | 23.560.000 | | | 23.560.000 |
| 10/8/2026 | 282 | Bổ sung kinh phí tổ chức Đại hội thành lập Hội cựu công an nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031 | 50.000.000 | | | 50.000.000 |
| | | **Trung tâm dịch vụ tổng hợp** | **402.714.000** | **0** | **0** | **402.714.000** |
| 10/2/2026 | 63 | Bổ sung chi các nhiệm vụ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp 2026-2031 | 201.035.000 | | | 201.035.000 |
| 26/6/2026 | 217 | Bổ sung kinh phí để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, quỹ tiền thưởng và chi hoạt động cho viên chức chuyển công tác, thực hiện nhiệm vụ khuyến nông tại địa phương | 201.679.000 | | | 201.679.000 |
| | | **Công an** | **45.000.000** | **0** | **0** | **45.000.000** |
| 10/02/2026 | 69 | Hỗ trợ kinh phí cho Công an phường để chi đảm bảo ANTT bảo vệ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp 2026-2031 | 45.000.000 | | | 45.000.000 |
| | | **Quân sự** | **667.000.000** | **0** | **0** | **667.000.000** |
| 29/4/2026 | 151 | Bổ sung kinh phí để chi huấn luyện dân quân tự vệ và đảm bảo chế độ cho dân quân thường trực của các xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên | 667.000.000 | | | 667.000.000 |
| | | **Khối giáo dục** | **4.257.718.200** | **0** | **3.828.375.000** | **429.343.200** |
| 10/2/2026 | 67 | Phân bổ kinh phí miễn giảm học phí năm 2026 từ nguồn BS mục tiêu tỉnh QĐ 239 bổ sung sự toán cho các đơn vị sự nghiệp khối giáo dục địa bàn phường Hồng Châu | 3.828.375.000 | | 3.828.375.000 | |
| 21/7/2026 | 257 | Trường THCS Quảng Châu bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại NĐ 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ | 429.343.200 | | | 429.343.200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Ban QLDA** | **2.027.000.000** | **0** | **0** | **2.027.000.000** |
| 12/9/2026 | 330 | Bổ sung kinh phí để thực hiện nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ Hoàng Hanh, phường Hồng Châu | 2.027.000.000 | | | 2.027.000.000 |
| | | **Trạm Y tế phường Hồng Châu** | **3.299.000.000** | **0** | **0** | **3.299.000.000** |
| 21/7/2026 | 252 | Bổ sung kinh phí để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, quỹ tiền thưởng và chi hoạt động cho người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế về Trạm y tế phường | 3.299.000.000 | | | 3.299.000.000 |
| | | **Cộng** | **41.310.528.000** | **11.084.000.000** | **12.916.000.000** | **17.310.528.000** |